TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Bà: Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13/7/2018 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17/8/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị Thu T, s*inh năm*: 1985. (có mặt)

Địa chỉ: 57/5 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị Thu T là: Luật sư Phạm Văn K- Văn phòng luật sư Phạm Văn K – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: 85D, Kênh 10 T, Khóm x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Nguyễn Quốc L, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 95/4 ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Trần Thị Thu T là luật sư Phạm Văn K trình bày: Vào năm 2011 chị T và anh L tổ chức đám cưới nhưng không có

đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cự cải, không quan tâm đến nhau, anh L thường xuyên uống rượu, có tính côn đồ, chửi xúc phạm danh dự nhân phẩm chị T và cha mẹ chị T, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và chị T quyết định nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình sống chúng chị T và anh L có một con chung tên Trần Thành L, sinh ngày 03/12/2012, con chung hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thành L và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Thu T trình bày: Chị T thống nhất với lời trình bày của luật sư Phạm Văn K, chị T không bổ sung gì thêm.

- Tại phiên tòa Nguyễn Quốc L trình bày: Anh L và chị T tổ chức đám cưới năm 2011, hôn nhân không có đăng ký kết hôn, anh L thừa nhận có uống rượu và do ghen tuông nên có những lời lẽ làm chị T buồn và từ đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn; Về con chung, có một con chung đúng như chị T trình bày, anh L yêu cầu được nuôi Trần Thành L và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung, anh L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trần Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Trần Thị Thu T với anh Nguyễn Quốc L và anh L có nơi cư trú tại ấp T, xã V huyện L, tỉnh Đ thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, xét tình trạng hôn nhân của hai đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Quốc L tổ chức đám cưới vào năm 2011 rồi chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, do đó pháp luật không công nhận là vợ chồng đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật HN&GĐ cụ thể quy định như sau *"Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật*

này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Tại khoản 1 Điều 14 Luật HN&GĐ có quy định " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 Luật HN&GĐ có ghi *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*

Vì vậy về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Quốc L là vợ chồng.

- Về con chung: chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Quốc L có một con chung tên Trần Thành L, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2012, hiện cháu L đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Trần Thành L, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ ngày xảy ra mâu thuẫn đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc cháu L chu đáo và phát triển tốt về thể chất, hơn nữa về điều kiện kinh tế thì chị T đang kinh doanh buôn bán tạp hóa, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi cháu L, do đó cần giao cháu L cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và có căn cứ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Nguyễn Quốc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Quốc L là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Trần Thị Thu T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thành L, sinh ngày 03/12/2012 và anh Nguyễn Quốc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thu T cùng các thành viên gia đình không được cản trở Nguyễn Quốc L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Trần Thị Thu T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001300, ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/9/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư